

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐL  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 16 - 9 - 2021

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐL, TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đình Trường

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hồ Văn Sơn  
2. Ông Phạm Xuân Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Ngọc Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:** Bà L Thị Thanh Tốt - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 8 năm 2021; về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2021; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Hoài L, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số nhà 27, đường số 11, tổ 2, thôn 2, xã ĐH, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số nhà 18, đường số 5, tổ 7, thôn 6, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận.

*Tại phiên tòa vắng tất cả các đương sự – đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo hồ sơ vụ án tại đơn khởi kiện, bản khai, biên bản không tiến hành hòa giải được nguyên đơn chị Bùi Thị Hoài L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Hoài L và anh Nguyễn Quốc T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 11 năm 2015

tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện ĐL. Sau khi kết hôn đời sống vợ chồng chị L, anh T hạnh phúc, đến năm 2017 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị L, anh T tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Mặc dù chị L, anh T đã cố gắng thay đổi để chung sống hạnh phúc tuy nhiên không có kết quả, từ đó chị L, anh T thiếu tin tưởng, quan tâm, chia sẻ nhau về các vấn đề trong cuộc sống. Thời gian gần đây anh T còn ghen tuông, nghi ngờ chị L có quan hệ bất chính với người khác, mặc dù chị L đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh T vẫn không tin tưởng. Cách đây khoảng một tháng chị L, anh T đã sống ly thân và không còn ai quan tâm, chăm sóc gì nhau. Hiện nay chị L không còn tình cảm với anh T và không mong muốn sống chung với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Chị L, anh T có một người con chung tên là Nguyễn Quốc P, sinh ngày 13/02/2017. Hiện cháu P đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị L có nguyện vọng nuôi con và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Bản thân chị L hiện làm nghề tiếp thị, mỗi tháng thu nhập khoảng 10.000.000 đồng, thu nhập ổn định, sau khi trừ đi các chi phí sinh hoạt còn lại khoảng 5.000.000 đồng. Còn anh T hiện làm nghề cạo mủ cao su, còn làm thêm thu mua mủ cao su, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo hồ sơ vụ án tại biên bản lấy lời khai của đương sự (bút lục số 29) bị đơn anh Nguyễn Quốc T trình bày:*

Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992, hiện nay có hộ khẩu và cư trú tại số nhà 18, đường số 5, thôn 6, xã ĐT, huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận. Anh T, chị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH. Quá trình chung sống anh T chị L có P sinh một số mâu thuẫn do chị L có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Sau đó, anh T có tha thứ cho chị L để vợ chồng hàn gắn lại tình cảm, nhưng tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, sống không hạnh phúc. Sau khi tha thứ cho chị L thì anh T được biết chị L vẫn còn qua lại với người đàn ông trên, nên anh T có đánh chị L. Hiện anh T chị L đã sống ly thân. Trường hợp chị L nhất quyết yêu cầu ly hôn thì anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh T chị L có một người con chung là Nguyễn Quốc P, sinh ngày 13/02/2017. Hiện cháu P đang sinh sống cùng chị L, anh T đồng ý giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Do anh T bận công việc nên không tham gia tổ tụng nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Về tài sản chung, nợ chung anh T không có ý kiến gì. Ngoài ra anh T không trình bày gì thêm.

*Ý kiến P biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự; bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Hoài L, xử cho chị L được ly hôn với anh T và giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị L mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con thành niên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng trong vụ án:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Quốc T cư trú tại thôn 6, xã ĐT, huyện ĐL nên việc khởi kiện của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL, tỉnh Bình Thuận được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn chị Bùi Thị Hoài L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về quyền nuôi con với bị đơn anh Nguyễn Quốc T nên quan hệ pháp luật cần giải quyết là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho các đương sự, nhưng tại phiên tòa vắng mặt tất cả các đương sự. Tuy nhiên, các đương sự đều đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa là phù hợp.

[1.4] Về việc áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao công bố thấy rằng: Nội dung tranh chấp của vụ án không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết tranh chấp này mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị Hoài L, anh Nguyễn Quốc T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/2015, số 108/2015, quyển số 01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện ĐL đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị L, anh T chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, ghen tuông nghi ngờ nhau. Bản thân hai vợ chồng đã tự động viên an ủi nhau thay đổi để chung sống hạnh phúc, tuy nhiên không có kết quả. Do nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh T không tham gia, cũng không có ý kiến gửi Tòa án để Tòa án hòa giải đoàn tụ. Đồng thời anh T thừa nhận quá trình chung sống thời gian qua vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay anh T và chị L đã ly thân nên anh T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị L theo quy định của pháp luật. Xét thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng từ cả hai phía, bản thân chị L, anh T thừa nhận hiện nay cả hai không còn tình cảm gì với nhau nữa; do đó nếu có tiếp tục chung sống sẽ không tạo dựng được hạnh phúc mà mâu thuẫn sẽ lại càng nghiêm trọng hơn. Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần xử cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Chị L, anh T có một người con chung Nguyễn Quốc P, sinh ngày 13/02/2017, quá trình làm việc chị L có nguyện vọng nuôi con và anh T cũng đồng ý giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Ngoài ra quá trình làm việc tại Tòa án xác định được sau khi chị L, anh T sống ly thân thì cháu P do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao cho chị L trực tiếp nuôi con là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh Nguyễn Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được ngăn cản. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

[2.3] Về cấp dưỡng tiền nuôi con:

Quá trình làm việc chị L có yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con của chị L là có căn cứ bởi lẽ chị L là người trực tiếp nuôi con, nên anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng. Đồng thời, anh T cũng đồng ý mức cấp dưỡng 2.000.00 đồng/tháng mà chị

L có yêu cầu. Do đó, cần buộc anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng như yêu cầu của chị L là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 82, khoản 1 Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chị Bùi Thị Hoài L có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi P sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về án phí: Cần buộc chị L phải chịu án phí ly hôn và anh T phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự, thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 107, Điều 110, khoản 1 Điều 116, Điều 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 2 Điều 2; Điều 26 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Điểm a khoản 5, điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

- Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bùi Thị Hoài L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị Hoài L được ly hôn với anh Nguyễn Quốc T.

Giấy chứng nhận kết hôn đăng ký ngày 20 tháng 11 năm 2015, vào sổ số 108/2015, quyển số 01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã ĐH, huyện ĐL hết hiệu lực, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Giao cho chị Bùi Thị Hoài L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung Nguyễn Quốc P, sinh ngày 13/02/2017.

Anh Nguyễn Quốc T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được ngăn cản. Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Bùi Thị Hoài L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

3. *Về cấp dưỡng:* Anh Nguyễn Quốc T phải cấp dưỡng tiền nuôi con Nguyễn Quốc P, sinh ngày 13/02/2017 cho chị Bùi Thị Hoài L mỗi tháng là 2.000.000 đồng/tháng. Chị Bùi Thị Hoài L có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chấm dứt khi P sinh trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

4. *Về án phí:* Chị Bùi Thị Hoài L phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005511, ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quốc T phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ, để Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện ĐL;
- UBND xã ĐH, huyện ĐL;
- UBND xã ĐT, huyện ĐL;
- C.C Thi hành án DS.h. ĐL;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(Đã ký)*

**Trần Đình Trường**